

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Khai thác vận tải đường sắt  
(Railway Transport Exploitation)**  
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**  
Ngành đào tạo: **Khai thác vận tải**  
Mã ngành: **51840101**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Cao đẳng Chính quy Khai thác vận tải đường sắt nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn cơ bản, năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo, khả năng thích ứng với các biến đổi trong lĩnh vực khai thác vận tải đường sắt; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức chuyên môn cơ bản về quản lý sản xuất và công nghệ vận tải đường sắt để tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải của doanh nghiệp vận tải đường sắt;

- Có trình độ tin học, ngoại ngữ để khai thác, nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực Khai thác vận tải đường sắt.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

- Lập kế hoạch liên quan đến tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải cho các đơn vị thuộc doanh nghiệp vận tải đường sắt;

- Tổ chức thực hiện quá trình công nghệ vận tải trên tuyến đường sắt;

- Xử lý các tình huống trong quá trình công nghệ vận tải, tổ chức vận chuyển hàng hóa, hành khách;

- Phân tích số liệu, báo cáo liên quan đến quá trình công nghệ vận tải phục vụ cho công tác lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch vận tải đường sắt;
- Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác trong lĩnh vực nghề nghiệp; phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp; khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, tiếp cận được với môi trường quốc tế trong hoạt động kinh doanh vận tải;
- Sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên ngành vào công tác tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vận tải đường sắt.

### 1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực vận tải đường sắt đối với phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành pháp luật, đóng góp cho ngành giao thông vận tải và sự phát triển của đất nước;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị kinh doanh vận tải đường sắt; khu đầu mối giao thông; công ty dịch vụ giao nhận vận tải; các phòng ban chuyên môn thuộc đơn vị quản lý về giao thông vận tải đường sắt; kỹ thuật viên giảng dạy thực hành chuyên ngành Khai thác vận tải đường sắt và các nghề liên quan đến vận tải đường sắt trong các trường đào tạo nghề...

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 350 điểm TOEIC.

**2. Thời gian đào tạo:** 3 năm

## 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 115 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>23</b>	<b>2</b>	<b>25</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>	<b>4</b>	<b>90</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	27	2	29
2.2	Kiến thức ngành	40	2	42
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	11		11
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Đồ án tốt nghiệp	4		4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>109</b>	<b>6</b>	<b>115</b>

## 4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

## 5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

\* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

\* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

## 6. Thang điểm

\* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

\* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Tên và khối lượng các học phần

#### 7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 25 TC

Bao gồm 23 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 3 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>23 TC</b>
<b>7.1.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>12 TC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	CC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	CC1LL05	2
<b>7.1.1.2</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>4 TC</b>
6	Tiếng Anh 1	CC1CB31	4
<b>7.1.1.3</b>	<b>Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường</b>		<b>7 TC</b>
7	Toán 1	CC1CB11	4
8	Tin học đại cương	CC1TT42	3
<b>7.1.1.4</b>	<b>Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)</b>		<b>3 đvht</b>
9	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	CC1TD01	1 đvht
10	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	CC1TD02	1 đvht
11	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	CC1TD05	1 đvht
<b>7.1.1.5</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)</b>		<b>8 TC</b>
12	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	CC1QP01	3 TC
13	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	CC1QP02	2 TC

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
14	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	CC1QP03	3 TC
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 6 TC</b>
1	Môi trường trong giao thông vận tải	CC1CB90	2
2	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	CC1CB91	2
3	Văn hóa kinh doanh	CC2CB94	2

### 7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 90 TC

#### 7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 29 TC

Bao gồm 27 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>27 TC</b>
1	Vẽ kỹ thuật	CC2CO16	3
2	Cầu đường - Thông tin tín hiệu đường sắt	CC2VS39	3
3	Cơ kỹ thuật	CC2CO24	3
4	Phương tiện vận tải đường sắt	CC2VS38	2
5	Nguyên lý thống kê	CC2KV70	3
6	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải đường sắt	CC2VS67	3
7	Marketing vận tải	CC2VS75	3
8	Sức kéo đoàn tàu	CC2VS56	3
9	Kinh tế vận tải đường sắt	CC2VS63	4
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 6 TC</b>
1	Pháp luật kinh tế	CC2KV93	2
2	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	CC2CB89	2
3	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	CC3QT12	2

#### 7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 42 TC

Bao gồm 40 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>40 TC</b>
1	Tiếng Anh 3	CC3VS33	3
2	Thiết kế ga đường sắt	CC3VS51	3
3	Pháp luật về kinh doanh vận tải đường sắt	CC3VS14	3
4	Tổ chức chạy tàu 1	CC3VS61	3
5	Đồ án Tổ chức chạy tàu 1	CC3VS59	1
6	Tổ chức chạy tàu 2	CC3VS62	4
7	Đồ án Tổ chức chạy tàu 2	CC3VS60	1
8	Tổ chức chạy tàu 3	CC3VS63	2
9	Quy trình qui phạm đường sắt	CC3VS11	3
10	Tổ chức xếp dỡ	CC3VS67	3

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
11	Vận tải liên vận đường sắt quốc tế	CC3VS68	3
12	Tổ chức vận tải hành khách và du lịch đường sắt	CC3VS69	2
13	Tổ chức vận tải hàng hóa đường sắt	CC3VS65	3
14	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa vận tải đường sắt	CC3VS66	1
15	Phân tích hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt	CC3VS72	3
16	Thống kê doanh nghiệp vận tải đường sắt	CC3VS77	2
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 4 TC</b>
1	Kế toán vận tải đường sắt	CC3VS71	2
2	Quản lý doanh nghiệp vận tải đường sắt	CC3VS80	2

**7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (19 TC bắt buộc):**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
<b>7.1.2.3.1</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp</b>		<b>11 TC</b>
1	Thực tập nghiệp vụ 1	CC4VS21	5
2	Thực tập nghiệp vụ 2	CC4VS22	6
<b>7.1.2.3.2</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>		<b>4 TC</b>
3	Thực tập tốt nghiệp	CC4VS70	4
<b>7.1.2.3.3</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>		<b>4 TC</b>
4	Đồ án tốt nghiệp	CC4VS80	4

**7.2. Khung chương trình đào tạo**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>25</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>23</b>				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	CC1LL02	3	30	30		CC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CC1LL03	2	21	18		CC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CC1LL04	3	30	30		CC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	CC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	CC1CB31	4	45	30		
7	Toán 1	CC1CB11	4	60			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
8	Tin học đại cương	CC1TT42	3	30	30		
9	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	CC1TD01	1 đvht	8	22		
10	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	CC1TD02	1 đvht	8	22		
11	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	CC1TD05	1 đvht	3	27		
12	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	CC1QP01	3	45			CC1LL04
13	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	CC1QP02	2	30			
14	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	CC1QP03	3	15	60		
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/6</b>				
1	Môi trường trong giao thông vận tải	CC1CB90	2	30			
2	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	CC1CB91	2	30			
3	Văn hóa kinh doanh	CC2CB94	2	30			
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>90</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>29</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>				
1	Vẽ kỹ thuật	CC2CO16	3	30	30		
2	Cầu đường - Thông tin tín hiệu đường sắt	CC2VS39	3	45			
3	Cơ kỹ thuật	CC2CO24	3	45			
4	Phương tiện vận tải đường sắt	CC2VS38	2	30			
5	Nguyên lý thống kê	CC2KV70	3	45			
6	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải đường sắt	CC2VS67	3	45			
7	Marketing vận tải	CC2VS75	3	45			
8	Sức kéo đoàn tàu	CC2VS56	3	45			
9	Kinh tế vận tải đường sắt	CC2VS63	4	60			CC2KV70

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/6</b>				
1	Pháp luật kinh tế	CC2KV93	2	30			CC1LL05
2	Bảo hiểm trong giao thông vận tải	CC2CB89	2	30			CC1LL01
3	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	CC3QT12	2	30			
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>42</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>40</b>				
1	Tiếng Anh 3	CC3VS33	3	30	30		CC1CB31
2	Thiết kế ga đường sắt	CC3VS51	3	45			CC2VS39
3	Pháp luật về kinh doanh vận tải đường sắt	CC3VS14	3	45			
4	Tổ chức chạy tàu 1	CC3VS61	3	45			CC2VS39
5	Đồ án Tổ chức chạy tàu 1	CC3VS59	1			45	CC3VS61
6	Tổ chức chạy tàu 2	CC3VS62	4	60			CC3VS61
7	Đồ án Tổ chức chạy tàu 2	CC3VS60	1			45	CC3VS62
8	Tổ chức chạy tàu 3	CC3VS63	2	30			CC3VS62
9	Quy trình qui phạm đường sắt	CC3VS11	3	30	30		CC2VS39
10	Tổ chức xếp dỡ	CC3VS67	3	45			CC2VS67
11	Vận tải liên vận đường sắt quốc tế	CC3VS68	3	45			CC3VS14
12	Tổ chức vận tải hành khách và du lịch đường sắt	CC3VS69	2	30			CC2VS63
13	Tổ chức vận tải hàng hóa đường sắt	CC3VS65	3	45			CC2VS63
14	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa vận tải đường sắt	CC3VS66	1			45	CC3VS65
15	Phân tích hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt	CC3VS72	3	45			CC2VS63
16	Thống kê doanh nghiệp vận tải đường sắt	CC3VS77	2	30			CC3VS63
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/4</b>				
1	Kế toán vận tải đường sắt	CC3VS71	2	15	30		CC3VS14

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
2	Quản lý doanh nghiệp vận tải đường sắt	CC3VS80	2	30			
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>		<b>19</b>				
1	Thực tập nghiệp vụ 1	CC4VS21	5			225	CC3VS11
2	Thực tập nghiệp vụ 2	CC4VS22	6			270	CC3VS63
3	Thực tập tốt nghiệp	CC4VS70	4			180	CC4VS22
4	Đồ án tốt nghiệp	CC4VS80	4			240	CC4VS70
	<b>Tổng cộng</b>		<b>115</b>				

#### 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
<b>8.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>25</b>						
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2		2				
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3			3			
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2		
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3					3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2					
6	Tiếng Anh 1	4			4			
7	Toán 1	4	4					
8	Tin học đại cương	3	3					
9	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1					
10	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1				
11	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht			1			
12	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3				3		
13	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2				2		



STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
14	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3			3			
15	Tự chọn 1	2	2					
<b>8.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>90</b>						
<b>8.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>29</b>						
16	Vẽ kỹ thuật	3	3					
17	Cầu đường - Thông tin tín hiệu đường sắt	3	3					
18	Cơ kỹ thuật	3		3				
19	Phương tiện vận tải đường sắt	2	2					
20	Nguyên lý thông kê	3		3				
21	Định mức kinh tế kỹ thuật vận tải đường sắt	3			3			
22	Marketing vận tải	3		3				
23	Sức kéo đoàn tàu	3		3				
24	Kinh tế vận tải đường sắt	4		4				
25	Tự chọn 2	2	2					
<b>8.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>42</b>						
26	Tiếng Anh 3	3				3		
27	Thiết kế ga đường sắt	3		3				
28	Pháp luật về kinh doanh vận tải đường sắt	3			3			
29	Tổ chức chạy tàu 1	3			3			
30	Đồ án Tổ chức chạy tàu 1	1				1		
31	Tổ chức chạy tàu 2	4				4		
32	Đồ án Tổ chức chạy tàu 2	1				1		
33	Tổ chức chạy tàu 3	2					2	
34	Quy trình qui phạm đường sắt	3			3			
35	Tổ chức xếp dỡ	3				3		
36	Vận tải liên vận đường sắt quốc tế	3					3	
37	Tổ chức vận tải hành khách và du lịch đường sắt	2				2		
38	Tổ chức vận tải hàng hóa đường sắt	3					3	
39	Đồ án Tổ chức vận tải hàng hóa vận tải đường sắt	1					1	
40	Phân tích hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt	3					3	
41	Thống kê doanh nghiệp vận tải đường sắt	2			2			
42	Tự chọn 3	2					2	
<b>8.2.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>	<b>19</b>						
43	Thực tập nghiệp vụ 1	5					5	
44	Thực tập nghiệp vụ 2	6						6
45	Thực tập tốt nghiệp	4						4
46	Đồ án tốt nghiệp	4						4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>115</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>16</b>	<b>22</b>	<b>14</b>

## **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Chương trình đào tạo Cao đẳng Khai thác vận tải đường sắt thuộc ngành đào tạo Khai thác vận tải

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 6 học kỳ chính. Ngoài 6 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. ĐỖ NGỌC VIỆN**